

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 34/2019/HS-ST
Ngày 04 - 3 - 2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Hoàng Yến.

Ông Lành Văn Khánh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Phụng, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thanh Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2019, tại phòng xét xử số 01 – Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/HSST ngày 14/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 30/01/2019 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 01/2019/TB-TA ngày 20/02/2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn P (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 26 tháng 3 năm 1974, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi tạm trú hiện nay: Số 123, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công T, sinh năm 1944 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953; có vợ là Lê Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998.

Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/01/2011 Công an phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong và đã được xóa tiền sự. Tại bản án số: 04/2005/HSST ngày 08/3/2005 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo về Tội đánh bạc, đã chấp hành xong và được xóa án tích; Bản án số: 740/2018/HSPT ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng (Thời điểm xét xử sau ngày xảy ra hành vi đánh bạc ngày 01/11/2018 nên chưa được coi là tiền án của bị cáo trong vụ

án này). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 01/11/2018 đến ngày 27/11/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt.

2. Bùi Văn C (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 12 tháng 5 năm 1970, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ngõ 42, thôn 8, khu 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Bạch Thị S, sinh năm 1927; có vợ là Tạ Thị X và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1996.

Tiền sự: Không; có 01 tiền án: Tại bản án số: 11/2009/HSST ngày 27/02/2009 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về Tội đánh bạc, đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa thi hành xong biện pháp tư pháp truy thu số tiền 12.000.000 đồng để tịch thu (chưa được xóa án tích). Nhân thân: Tại Bản án số 02/2003/HSPT ngày 07/01/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 24 tháng tù về Tội đánh bạc, đã chấp hành xong và được xóa án tích. Tại Bản án số 63/2009/HSST ngày 13/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Bùi Văn C 01 năm tù về Tội đánh bạc, tổng hợp với hình phạt tại bản án số 11/2009/HSST ngày 27/02/2009 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo phải chịu hình phạt chung 02 năm tù, đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích. Tại Bản án số 66/2013/HSST ngày 30/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 30 tháng tù giam về Tội đánh bạc, đã chấp hành xong hình phạt tù và được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 01/11/2018 đến nay. Có mặt.

3. Phạm Văn Đ (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 28 tháng 8 năm 1988, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 66, khu phố T, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi tạm trú hiện nay: Số 245, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn B, sinh năm 1960 và bà Phùng Thị T, sinh năm 1968; có vợ là Trần Hải P và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại bản án số 147/2011/HSST ngày 25/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về Tội đánh bạc, đã chấp hành xong và được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 01/11/2018 đến ngày 27/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt.

4. Đỗ Quang Đ (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 18 tháng 6 năm 1976, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 9C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai; nơi thường trú hiện nay: Khu C, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không;

quốc tịch Việt Nam; con ông Đỗ Anh Đ, sinh năm 1952 và bà Trần Thị L, sinh năm 1956; có vợ là Phạm Thị Bích N và có 02 con, sinh năm 1996 và năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không có. Nhân thân: Tại bản án số 86/2010/HSPT ngày 22/12/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về Tội đánh bạc, đã chấp hành xong và được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 01/11/2018 đến ngày 28/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt.

5. Lê Văn M (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 08 tháng 10 năm 1973, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Đặng Thị B, sinh năm 1933; có vợ là Cao Thị H và có 02 con, sinh năm 1999 và năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 01/11/2018 đến ngày 28/12/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt.

6. Lê Minh C (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 20 tháng 4 năm 1986, tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm 15, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Trung T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 01/11/2018, đến ngày 02/01/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi tạm trú hiện nay: Số 65, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1933 và bà Lê Thị N, sinh năm 1938; có vợ là Lê Thị T và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án; tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 01/11/2018 đến ngày 28/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

- *Người chứng kiến*: Lương Ngọc Q, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 6/162 đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 01/11/2018, tại nơi tạm trú của Lê Văn P, địa chỉ số 123, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; tổ công tác Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn kiểm tra phát hiện và bắt quả tang Lê Văn P, Lê Văn Minh, Nguyễn Văn H, Đỗ Quang Đ, Phạm Văn Đ, Bùi Văn C và Lê Minh C đang có hành vi đánh bạc, được thua bằng tiền với hình thức chơi "xóc đĩa". Quá trình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đã thu giữ, tạm giữ:

- Thu giữ trên chiếu bạc 28.400.000 đồng và các dụng cụ dùng đánh bạc gồm: 04 quân vị hình tròn, 01 bộ tú lơ khơ, 16 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếc kéo, 02 bát sứ, 02 đĩa sứ, 01 chiếu nhựa, 01 chăn len.

- Tạm giữ 09 điện thoại di động và các giấy tờ tùy thân gồm: Tạm giữ của Lê Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; của Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu trắng, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng kí xe mô tô mang tên Vi Thúy H; của Đỗ Quang Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 chứng minh nhân dân; của Phạm Văn Đ 01 thẻ căn cước công dân, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG S8+ màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng; của Bùi Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng, 01 chứng minh nhân dân và tạm giữ của Lê Minh C 01 điện thoại di động OPPO A3s, 01 điện thoại di động NOKIA 131.

Tại Bản cáo trạng số 11/QĐ-VKS, ngày 11/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố 07 bị cáo về Tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/11/2018, Bùi Văn C đi đến quán nước cạnh số 123 đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thì gặp Lê Văn P và Đỗ Quang Đ đang ngồi uống nước. Khoảng 05 phút sau, Lê Văn M và Lê Minh C đi đến, Phạm Văn Đ đi xe taxi ngang qua vào cùng uống nước. Khi mọi người đang uống nước thì Lê Văn P rủ mọi người vào phòng trọ đánh bạc và được mọi người đồng ý; Nguyễn Văn H đến chơi thấy mọi người chuẩn bị đánh bạc đã cùng tham gia. Trong lúc đó Bùi Văn C cất 04 quân vị hình tròn có một mặt là hình trái tim màu đỏ (là chất cơ trong bài tú lơ khơ), mặt còn lại là mặt sau quân bài tú lơ khơ; Lê Văn M lấy bát và đĩa sứ; Lê Minh C được mọi người chỉ định cầm cái, xóc đĩa phân định thắng thua, thanh toán tiền cho người chơi. Cách chơi, những người tham gia chơi sẽ chọn bên chẵn hoặc bên lẻ và đặt số tiền mình muốn chơi ra trước mặt. Sau khi người chơi chọn xong thì người cầm cái sẽ mở bát ra nếu các quân vị có hai hoặc bốn mặt giống nhau là chẵn; nếu một quân vị có mặt khác ba mặt quân vị còn lại là lẻ, tùy trường hợp người chơi chọn chẵn hoặc lẻ thắng, người thắng sẽ lấy tiền của người thua. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, Công an thành phố Lạng Sơn đã phát hiện và bắt quả tang thu giữ vật chứng và làm rõ số tiền các bị cáo dùng tham gia đánh bạc.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử

tuyên bố 07 bị cáo phạm Tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1, Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 12 đến 15 tháng tù, áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt với bản án số 740/2018/HS-PT ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại H; phạt tiền 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 52; Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn C từ 15 đến 18 tháng tù; phạt tiền 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Phạm Văn Đ, Đỗ Quang Đ từ 9 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 - 24 tháng; phạt tiền 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Lê Văn M, Lê Minh C, Nguyễn Văn H từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng; phạt tiền 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu, tiêu hủy: 04 quân vị hình tròn, 01 bộ tứ lơ khơ, 16 quân bài tứ lơ khơ, 01 chiếc kéo, 02 bát sứ màu trắng, 02 đĩa sứ màu trắng, 01 chiếu nhựa, 01 chăn len; tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 28.400.000 đồng; trả lại cho các bị cáo 08 chiếc điện thoại di động và các giấy tờ nhân thân.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận lại với đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm hoàn lương, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn P, Lê Văn M, Nguyễn Văn H, Đỗ Quang Đ, Phạm Văn Đ, Bùi Văn C và Lê Minh C đều thừa nhận việc các bị cáo thực hiện hành vi sát phạt nhau bằng tiền, dưới hình thức chơi "Xóc đĩa" đánh chặn lẻ vào ngày 01/11/2018 tại nhà trọ của Lê Văn P. Xét thấy, lời khai của 07 bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án đã được kiểm chứng tại phiên tòa. Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử xác định tổng số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc 28.400.000đ (hai mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).

[3] Vụ án thuộc trường hợp đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn, không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ; các bị cáo đều đóng vai trò người thực hiện hành vi phạm tội một cách bộc phát (đang ngồi uống nước tại quán vỉa hè, rủ nhau đánh bạc). Hành vi của các bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, là nguyên nhân tiền đề phát sinh thiệt hại về kinh tế và các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tham gia đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp vì mục đích hám lợi cá nhân, mong muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng, bất chấp pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận 07 bị cáo có hành vi đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã truy tố đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì nhất thiết cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan của từng bị cáo, nhằm cá thể hoá trách nhiệm hình sự và hình phạt, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của Viện kiểm sát, cụ thể:

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án số: 11/HSST ngày 27/02/2009 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã xử phạt Bùi Văn C 01 năm tù về Tội đánh bạc; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính, chưa thi hành xong biện pháp tư pháp truy thu số tiền 12.000.000 đồng do phạm tội mà có để tịch thu nên chưa đủ điều kiện xóa án tích. Lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự. 06 bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa 07 bị cáo đã thực sự thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Văn M, Lê Minh C, Nguyễn Văn H xác định phạm tội lần đầu (*chưa có tiền án*) và thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng (*Mức cao nhất của khung bị truy tố là hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*)

nên các bị cáo này được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Đối với bị cáo Phạm Văn Đ (năm 2011 bị xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo), Đỗ Quang Đ (năm 2011 bị xử phạt 01 năm tù) thuộc trường hợp đã từng bị xét xử về tội ít nghiêm trọng, đã chấp hành xong toàn bộ bản án và được xóa án tích. Theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, 02 bị cáo đã đảm bảo thời gian theo quy định (hơn 06 năm) không vi phạm các điều pháp luật cấm, chấp hành tốt chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có công việc ổn định, các bị cáo là lao động chính, trụ cột kiếm sống nuôi gia đình có hoàn cảnh rất khó khăn; lần phạm tội này của 02 bị cáo do bột phát, bị bạn bè rủ rê và phạm tội thuộc trường hợp vai trò thứ yếu, số tiền đánh bạc không nhiều, tính chất mức độ phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra bị cáo Lê Văn P có bố đẻ là ông Lê Công T được Nhà nước Tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và được Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng Bằng khen hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, do vậy Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn P có nhân thân không tốt; đã từng bị xét xử năm 2005, xử phạt vi phạm hành chính năm 2011 cùng về hành vi đánh bạc và bị xét xử về Tội gây rối trật tự công cộng tháng 11/2018. Bị cáo Bùi Văn C có nhân thân xấu với 04 lần bị xét xử về Tội đánh bạc. Các bị cáo đã bị xử lý theo quy định pháp luật, nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, tu chí làm ăn lương thiện mà tiếp tục vướng vào con đường phạm tội, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng mà không phải lao động.

[10] Ngoài ra các bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương và xuất trình giấy tờ, căn cứ kèm theo để chứng minh đặc điểm nhân thân đặc biệt, gồm:

[11] Bị cáo Phạm Văn Đ đã bị tạm giam 01 tháng 26 ngày, sau khi được gia đình bảo lãnh, tại ngoại không có dấu hiệu bỏ trốn hay tiếp tục vi phạm pháp luật. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn; bố mẹ đã già, bố bị cáo bị bệnh lao phổi thường xuyên phải nhập viện để điều trị; vợ bị cáo không có nghề nghiệp, bị cáo là trụ cột gia đình, phải lo chữa trị ốm đau cho bố và nuôi 03 con còn rất nhỏ (con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất mới sinh năm 2019).

[12] Bị cáo Đỗ Quang Đ đã bị tạm giam 01 tháng 27 ngày, sau khi được gia đình bảo lãnh, tại ngoại không có dấu hiệu bỏ trốn hay tiếp tục vi phạm pháp luật. Hoàn cảnh gia đình rất khó khăn; bố mẹ đã già, bố bị cáo bị ốm nặng phải điều trị lâu dài, bị cáo là trụ cột gia đình, phải lo chữa trị ốm đau cho bố, bị cáo có 01 con nhỏ sinh năm 2003 đang tuổi ăn học.

[13] Bị cáo Lê Văn M đã bị tạm giam 01 tháng 27 ngày, sau khi được gia đình bảo lãnh, tại ngoại không có dấu hiệu bỏ trốn hay tiếp tục vi phạm pháp luật. Hoàn cảnh gia đình rất khó khăn; bố đẻ đã chết, hai vợ chồng bị cáo ở với

mẹ già bệnh nặng phải điều trị thường xuyên trong viện, bị cáo là trụ cột gia đình, phải lo chữa trị ốm đau cho mẹ, nuôi 02 con ăn học.

[14] Bị cáo Nguyễn Văn H đã bị tạm giam 01 tháng 27 ngày, sau khi được gia đình bảo lãnh, tại ngoại không có dấu hiệu bỏ trốn hay tiếp tục vi phạm pháp luật. Hoàn cảnh gia đình rất khó khăn; bố mẹ đã già, bị cáo là trụ cột gia đình, phải lo chữa trị ốm đau cho bố, bị cáo có 04 con còn nhỏ, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2016.

[15] Về hình phạt chính: Cần xác định mức và cách thức chấp hành của các bị cáo tương xứng vai trò tham gia, giúp sức, chuẩn bị và số tiền đánh bạc được phân hóa từ cao xuống thấp trên cơ sở đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để cá thể hóa hình phạt, cụ thể:

[16] Bị cáo Bùi Văn C có vai trò thực hành, chuẩn bị điều kiện, tham gia đánh bạc với số tiền 1.200.000đ (mang theo 200.000 đồng và vay của Phạm Văn Đ 1.000.000 đồng); bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ, 01 tình tiết tăng nặng, nhân thân xấu nên phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án.

[17] Bị cáo Lê Văn P có vai trò đầu vụ, khởi xướng, rủ rê 06 bị cáo đánh bạc tại nhà; số tiền đánh bạc 14.500.000đ lớn nhất so với các bị cáo khác. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân không tốt nên phải chịu mức hình phạt cao thứ hai trong vụ án.

[18] Các bị cáo Phạm Văn Đ, Đỗ Quang Đ tham gia đánh bạc với vai trò người chơi, số tiền ít hơn nhiều so với bị cáo đầu vụ (số tiền tham gia đánh bạc của Đỗ Quang Đ là 4.000.000đ; của Phạm Văn Đ là 5.000.000đ <cầm theo 10.000.000đ, cho Cảnh vay 1.000.000đ và Đạo vay 4.000.000đ>); không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo này phải chịu mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo 02 bị cáo đầu vụ.

[19] Các bị cáo Lê Văn M, Lê Minh C, Nguyễn Văn H tham gia với vai trò thực hành, số tiền đánh bạc ít nhất (của Lê Văn M là 1.500.000đ, của Lê Minh C là 800.000đ, của Nguyễn Văn H 400.000đ); các bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên được xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất của vụ án.

[20] Xem xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội lần đầu, các đặc điểm nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình, nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ của người phạm tội (*như đã phân tích ở trên*). Căn cứ các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ Luật hình sự; Hội đồng xét xử, xét thấy về cách thức chấp hành hình phạt tù; trừ các bị cáo đầu vụ, là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc (bị cáo Lê Văn P), nhân thân không tốt (Bùi Văn C), thì đối với 05 bị cáo còn lại trong vụ án không cần thiết phải bắt buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương và ấn định gấp đôi thời gian thử thách, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục là phù hợp và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, đồng thời phán quyết này cũng phù hợp với đề nghị luận tội của Viện kiểm sát.

[21] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...*”. Xét 07 bị cáo phạm tội vì mục đích kinh tế, hám lời, muốn kiếm tiền một cách bất minh mà không thông qua lao động chân chính. Tài liệu, chứng cứ thể hiện các bị cáo có tài sản (08 điện thoại) và có nghề nghiệp, có thu nhập do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền ở gần mức khởi điểm đối với các bị cáo là phù hợp; đối với các bị cáo đã từng bị xử lý về hành vi đánh bạc cần xử phạt mức tiền cao hơn các bị cáo khác.

[22] Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy đối với các vật chứng là công cụ dùng vào việc phạm tội đánh bạc và vật không có giá trị. Tịch thu số tiền 28.400.000đ do các bị cáo sử dụng đánh bạc. Trả lại 08 chiếc điện thoại di động và các giấy tờ nhân thân cho chủ sở hữu vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã hoàn trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia cho Lê Văn P do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[23] Các bị cáo bị là người kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[24] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đã trình bày lời luận tội và đề nghị giải quyết vụ án phù hợp với các nhận định nêu trên.

[25] Đề nghị trong lời nói sau cùng của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án và cân nhắc khi quyết định mức, cách thức thực hiện hình phạt.

[26] Các bị cáo có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 3 Điều 321; các Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và , các điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn M, Nguyễn Văn H, Lê Minh C; khoản 2 (01 tình tiết) Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn P, Phạm Văn Đ, Đỗ Quang Đ và Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Phạm Văn Đ, Đỗ Quang Đ, Lê Văn M, Nguyễn Văn H và Lê Minh C.

I. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn P, Bùi Văn C, Phạm Văn Đ, Đỗ Quang Đ, Lê Văn M, Nguyễn Văn H và Lê Minh C phạm Tội đánh bạc.

II. Hình phạt:

1. Xử phạt bị cáo Lê Văn P 01 (một) năm tù; áp dụng các Điều 55, 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù của Bản án số: 740/2018/HSPT ngày 05/11/2018 Tòa án nhân dân Cấp cao tại H, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù của 02 Bản án. Bị cáo được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2018 đến 27/11/2018 (27 ngày); thời hạn còn phải chấp hành 01 (một) năm 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày tù, tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bổ sung số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

2. Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 01/11/2018.

Xử phạt bổ sung số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

3. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là nơi bị cáo đăng ký Hộ khẩu thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

4. Xử phạt bị cáo Đỗ Quang Đ 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc là nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

5. Xử phạt bị cáo Lê Văn M 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc là nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc là nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

7. Xử phạt bị cáo Lê Minh C 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Trường hợp người được hưởng án treo (các bị cáo Phạm Văn Đ, Đỗ Quang Đ, Lê Văn M, Lê Minh C, Nguyễn Văn H) thay đổi nơi cư trú thì thực

hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

III. Xử lý vật chứng:

1. Tịch thu, tiêu hủy: 04 miếng bìa hình tròn được cắt từ lá bài tú lơ khơ, 01 bộ tú lơ khơ, 16 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu nhựa, 01 cái chăn len, 02 chiếc đĩa sứ, 02 chiếc bát sứ, 01 chiếc kéo.

2. Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 28.400.000đ (hai mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).

(Số tiền hiện đang được gửi tại Kho bạc nhà nước Lạng Sơn, số tài khoản số 3949.0.9048806.00000 theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 06/11/2018).

3. Trả lại cho chủ sở hữu:

- Trả lại cho Lê Văn M: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số seri 1: 356948093373470 và số seri 2: 356948098373475.

- Trả lại cho Nguyễn Văn H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, màu trắng, số IMEI: 358805056142243, bên trong lắp 01 sim Viettel số 0989207111; 01 (một) giấy phép lái xe số AM679775 tên Nguyễn Văn H cấp ngày 27/11/2009; 01 (một) giấy đăng kí xe mô tô, xe máy số 0029056 tên Vi Thúy H, số máy: HC09E5713189, số khung: 09087Y613279, nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đỏ-đen-bạc do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 24/4/2007.

- Trả lại cho Đỗ Quang Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ có số IMEI1: 866376041202778, IMEI2: 866376041202760 bên trong có 02 sim số điện thoại: Sim1: 0869697976; sim 2: 0328557678; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen số IMEI1: 35580095989341, IMEI2: 355828093989346, bên trong lắp sim có số điện thoại 0965888678. Điện thoại đã qua sử dụng, chưa qua kiểm tra chuyên môn; 01 (một) chứng minh nhân dân số 063539231 mang tên Đỗ Quang Đ, sinh ngày 18/6/1976, nguyên quán: Vĩnh Phúc, cấp ngày 22/02/2018.

- Trả lại cho Phạm Văn Đ 01 (một) thẻ căn cước công dân số 026088000507 cấp ngày 19/10/2017 tên Phạm Văn Đ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG S8+ màu đen, số IMEI1: 359116088160602, số IMEI2: 359117088160600 lắp 02 sim điện thoại di động mạng Vinaphone số 0943032456; 9042908711; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng, số IMEI1: 865460030849772, số IMEI2: 965460030849764, lắp 01 sim điện thoại di động mạng Viettel số 0971032597.

- Trả lại cho Bùi Văn C: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng, số IMEI: 353337074777052, lắp sim mạng Viettel số 0969099566, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong; 01 (một) chứng

minh nhân dân số 135600758 mang tên Bùi Văn C, Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 22/6/2009.

- Trả lại cho Lê Minh C: 01 (một) điện thoại di động OPPO A3s, có số IMEI1: 868125042105870, IMEI2: 868125042105862, bên trong lắp 01 sim vina: 0943633407; 01 (một) điện thoại di động NOKIA 131 có số IMEI1: 355848093428814, IMEI2: 35584809847811, bên trong lắp 02 sim Viettel số: 0986228226; 0973161486.

Tạm giữ 08 chiếc điện thoại di động nêu trên của các bị cáo để đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung.

(Các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, có đặc điểm như được mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/11/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Lạng Sơn).

IV. Án phí: Buộc các bị cáo Lê Văn P, Lê Văn M, Nguyễn Văn H, Đỗ Quang Đ, Phạm Văn Đ, Bùi Văn C và Lê Minh C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND T.Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- CC THADS TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường